

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

I. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu.

- Tên gói thầu: Gói thầu 01: Cung cấp vật tư.
- Tên dự án/dự toán mua sắm: Đại tu sửa chữa thiết bị máy chủ, lưu trữ tại Trung tâm dữ liệu Tây Hồ và 69 Đinh Tiên Hoàng.
- Thời gian thực hiện: Năm 2025.
- Địa điểm thực hiện: Hà Nội.
- Quy mô gói thầu: Cung cấp vật tư Đại tu sửa chữa thiết bị máy chủ, lưu trữ tại Trung tâm dữ liệu Tây Hồ và 69 Đinh Tiên Hoàng.

II. Yêu cầu về kỹ thuật.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

- Yêu cầu về kỹ thuật chung:
 - Cam kết các loại hàng hóa chính hãng, còn nguyên đai, nguyên kiện, có đầy đủ nhãn mác, đúng xuất xứ, còn mới 100% chưa qua sử dụng.
 - Hàng hóa cung cấp chào thầu phải đảm bảo tương thích với hạ tầng hiện có của đơn vị sử dụng.
 - Yêu cầu có Tài liệu tham chiếu chứng minh tính tương thích đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.
 - Đảm bảo thay thế được thiết bị hiện hữu trong trường hợp xảy ra sự cố thiết bị.
- Yêu cầu về kỹ thuật chi tiết: Hàng hóa phải đáp ứng đầy đủ các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật sau đây:

1. Module nguồn:

STT	Đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu kỹ thuật
1	Device type	Server Power Supply
2	Input voltage	100-240 V
3	Frequency limit (mains operation)	50-60 Hz
4	Max. output power	805 watts
5	Tương thích	Tương thích với thiết bị lưu trữ hiện hữu (thiết bị Fujitsu DX200S3 (S/N: 4601639037))

2. Ổ cứng HDD (900G):

STT	Đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu kỹ thuật
1	Capacity	900GB
2	Speed	10000 rpm
3	Interface	SAS
4	Interface Speed	6Gb/s
5	Hot Swap	Có
6	Form Factor	2.5 inches
7	Tương thích	Tương thích với thiết bị lưu trữ hiện hữu (Thiết bị IBM V7000, S/N: 78RF017)

3. Ổ cứng HDD (1.2TB):

STT	Đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu kỹ thuật
1	Capacity	1.2TB
2	Rotational Speed	10.000 rpm
3	Default Buffer (cache) Size	128 Mbytes External (I/O) Transfer Rate (max): 1200 MBytes/sec
4	Performance	Sustained Transfer Rate: 198 — 112 MBytes/sec Average Seek Time, Read: 4.6 msec typical Average Seek Time, Write: 5.0 msec typical
5	Hot Swap	Có
6	Form Factor	2.5 inches
7	Power (Typical)	5.6/5.4/5.0
8	Tương thích	Tương thích với thiết máy chủ hiện hữu (Thiết bị Oracle T7-1, S/N: 464507N)

4. Ổ cứng SSD (6.4TB).

STT	Đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu kỹ thuật
1	Capacity	6.4TB
2	Manufacturing name	- 6.4 TB TLC 3D NAND Flash NVMe SFF

STT	Đặc tính kỹ thuật	Yêu cầu kỹ thuật
		-SSDPE2ME064T4S
3	Style	Small form factor (SFF) SSD SFF-8639-compatible connector; 2.5-inch Form Factor, 15mm Z-height
4	NAND	Advanced enterprise multi-level cell NAND (TLC 3D NAND) technology for high-level performance and write durability
5	Flash controller	ASIC 1 Intel Flash Memory NVMe Controller
6	Tương thích	Tương thích với máy chủ hiện hữu (Thiết bị Oracle Sparc T8-2, S/N: 1910NN856V)

Mục 2. Bản vẽ

Không có.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Kiểm tra đặc tính kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT.
- Thử nghiệm: Theo quy định.